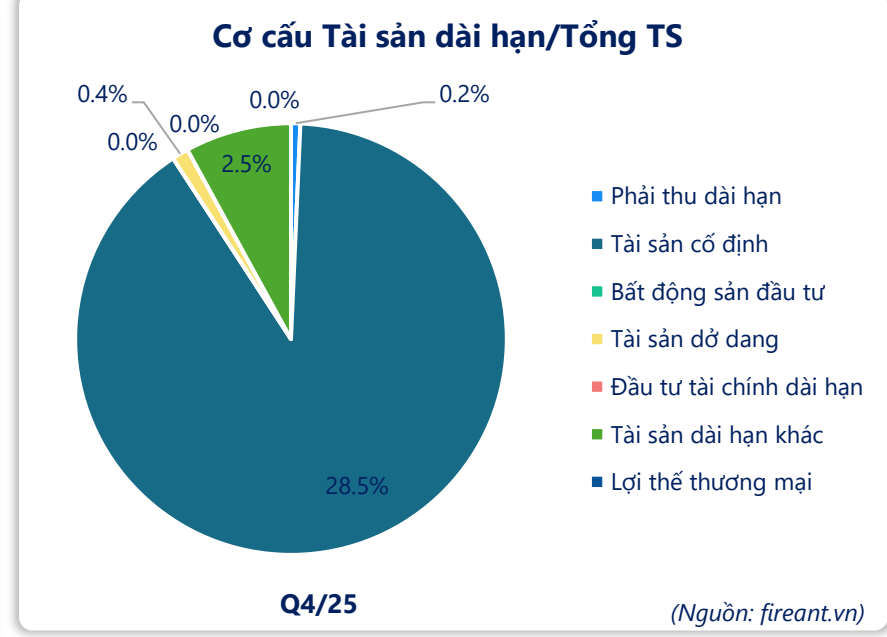
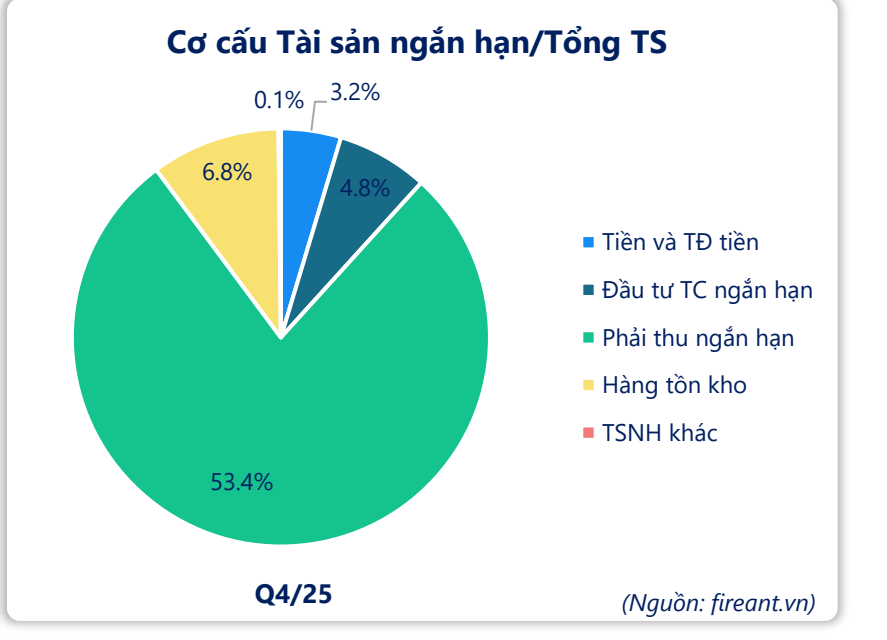
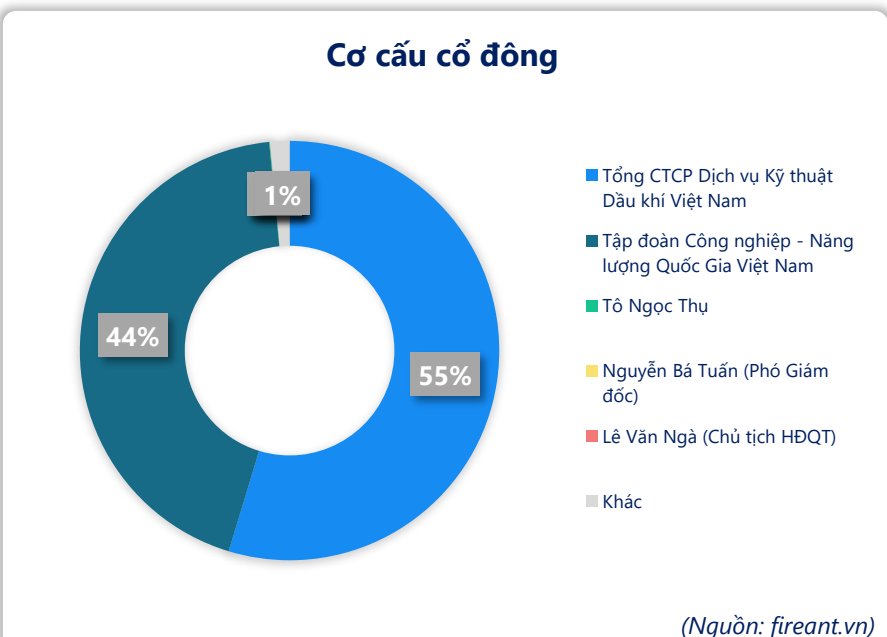
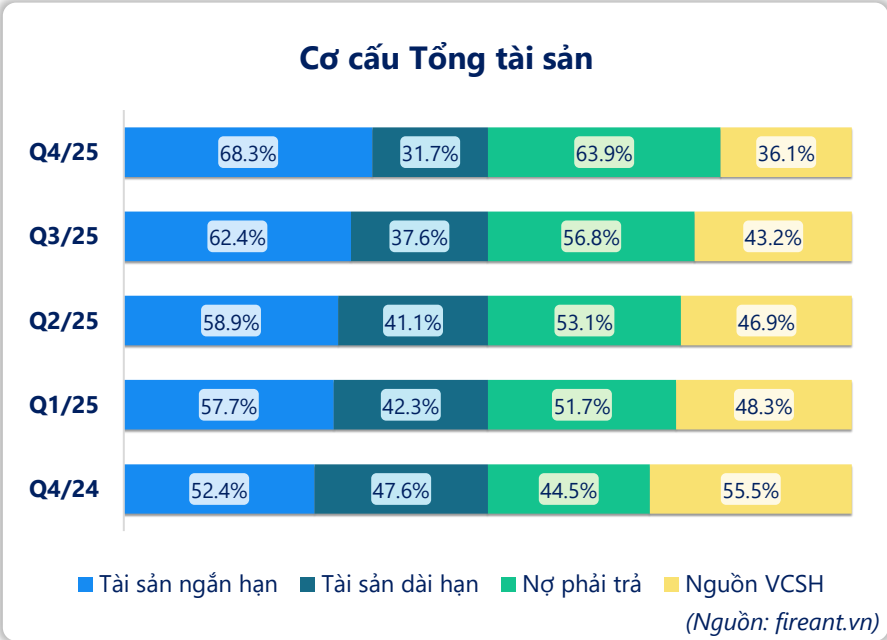
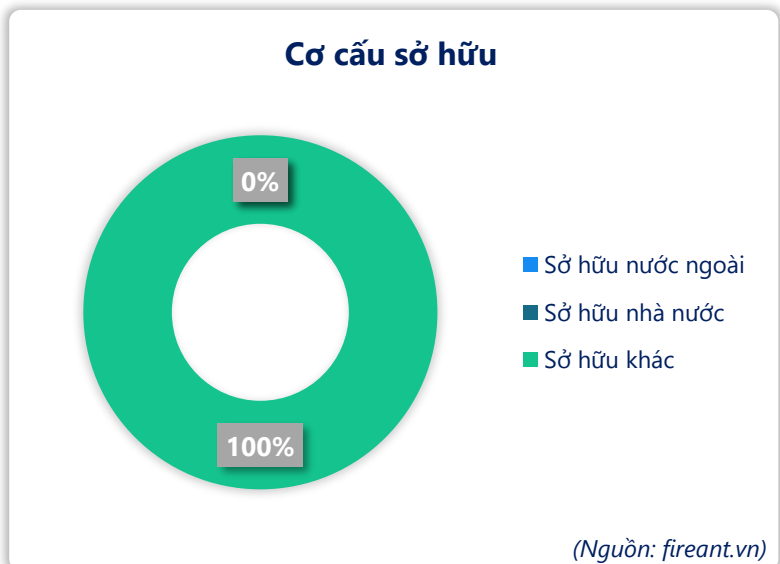
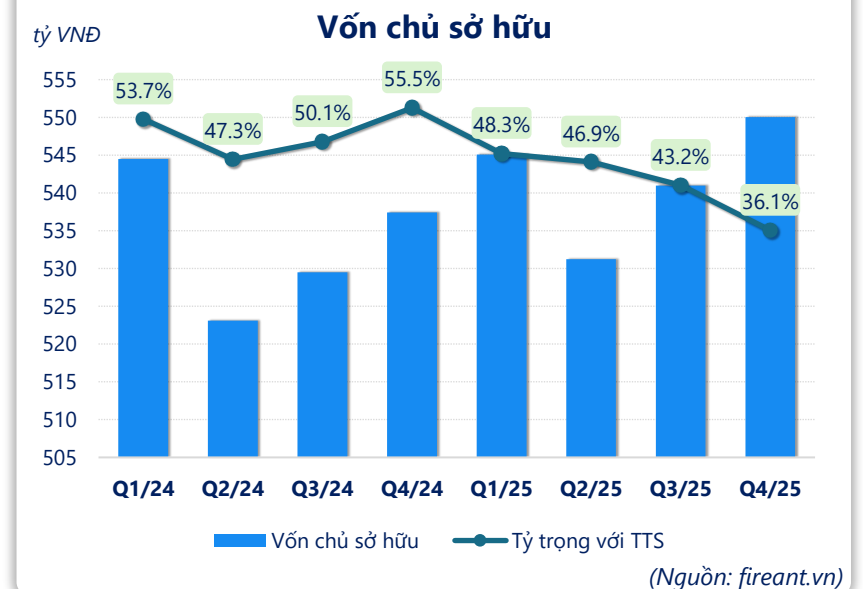
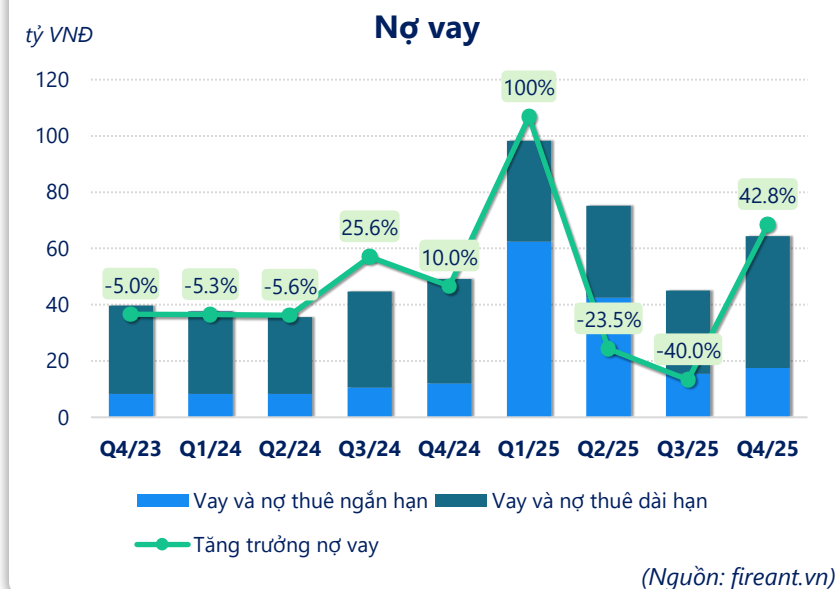
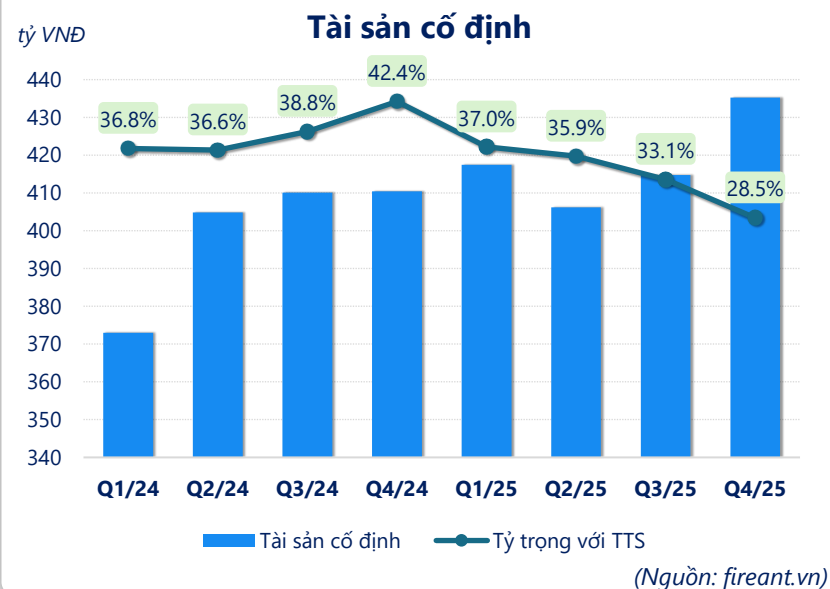
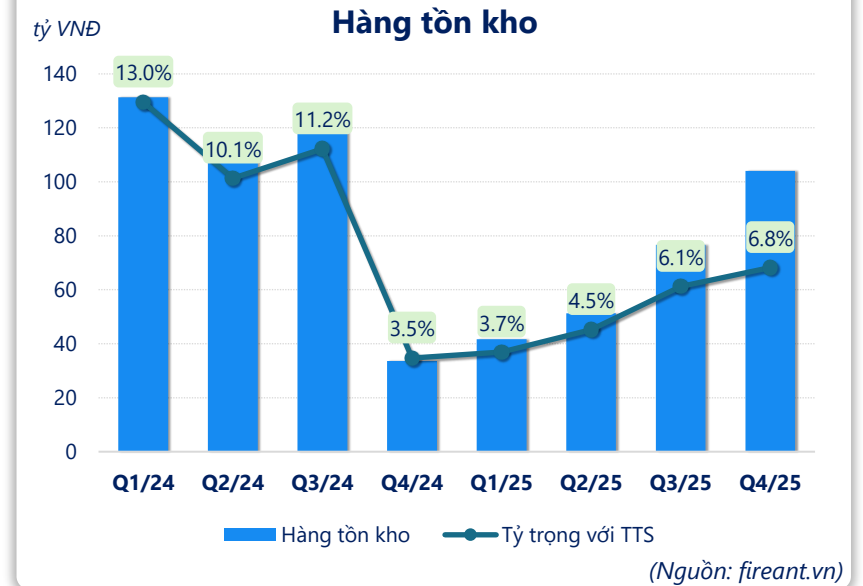
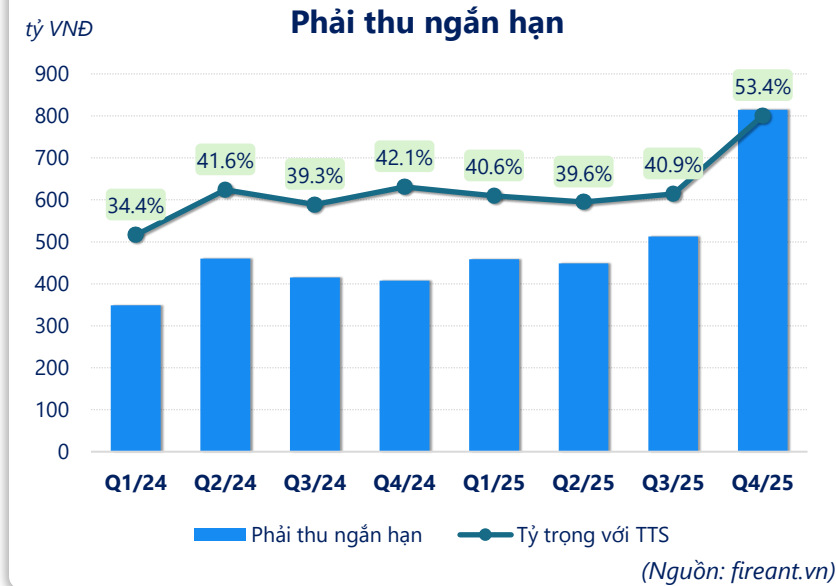
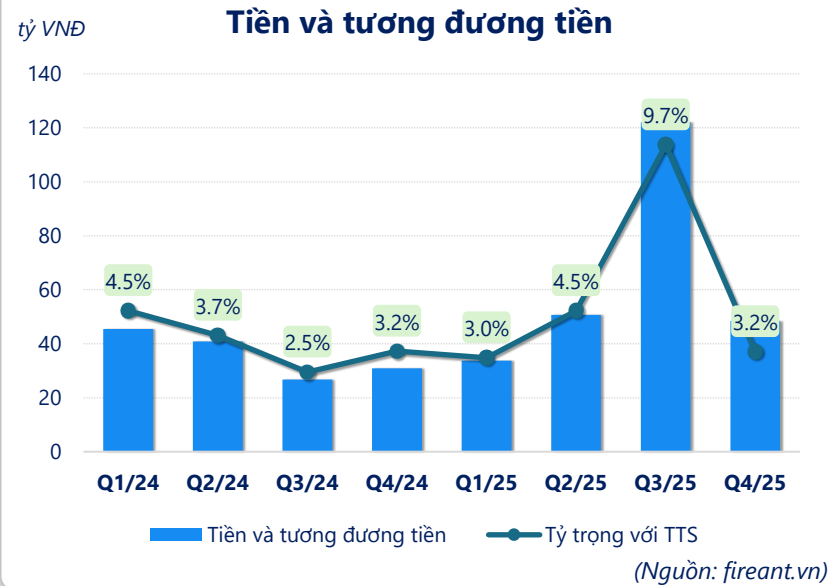
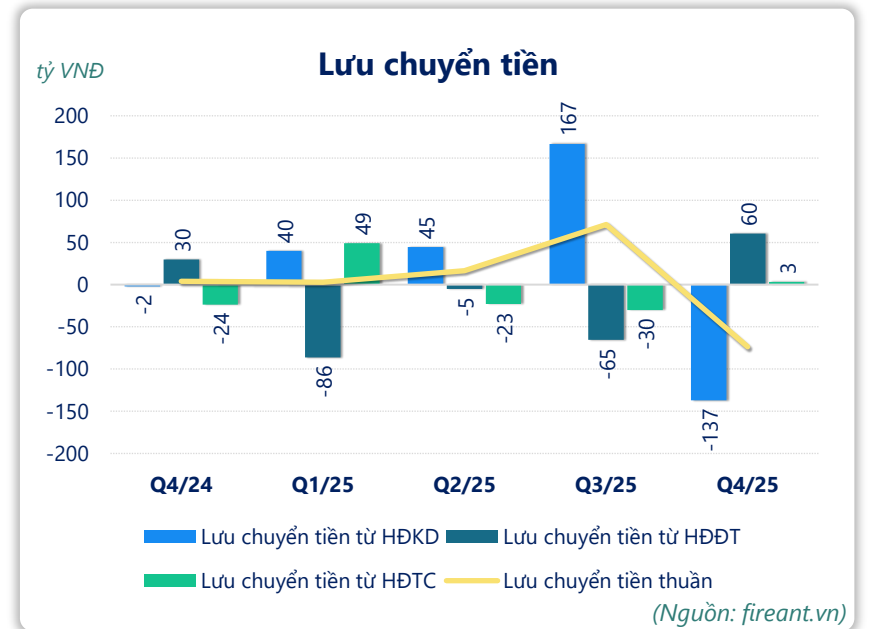
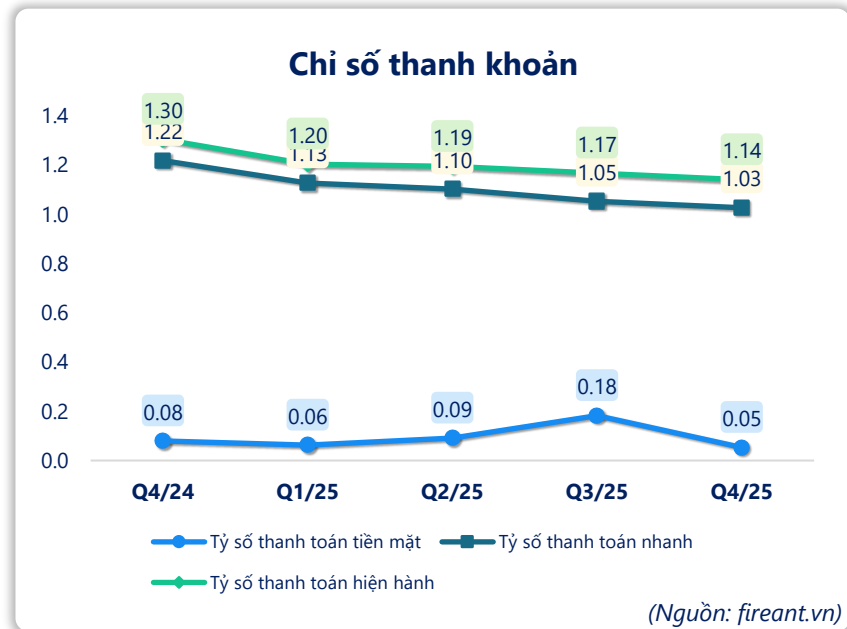
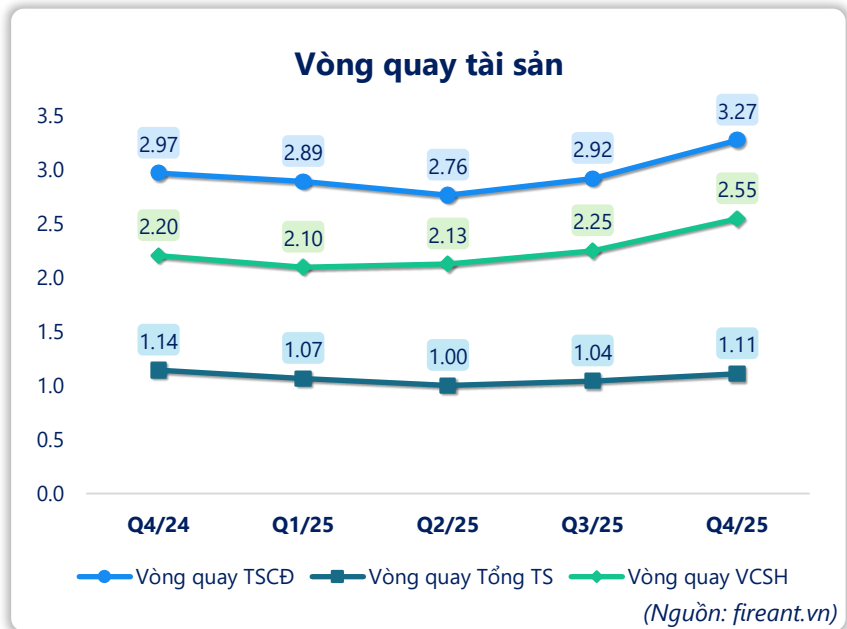
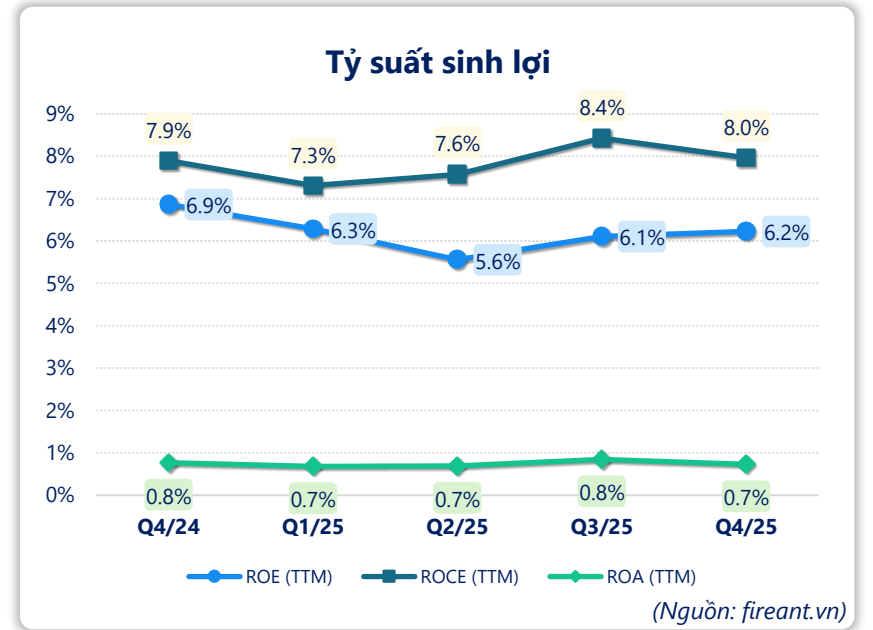
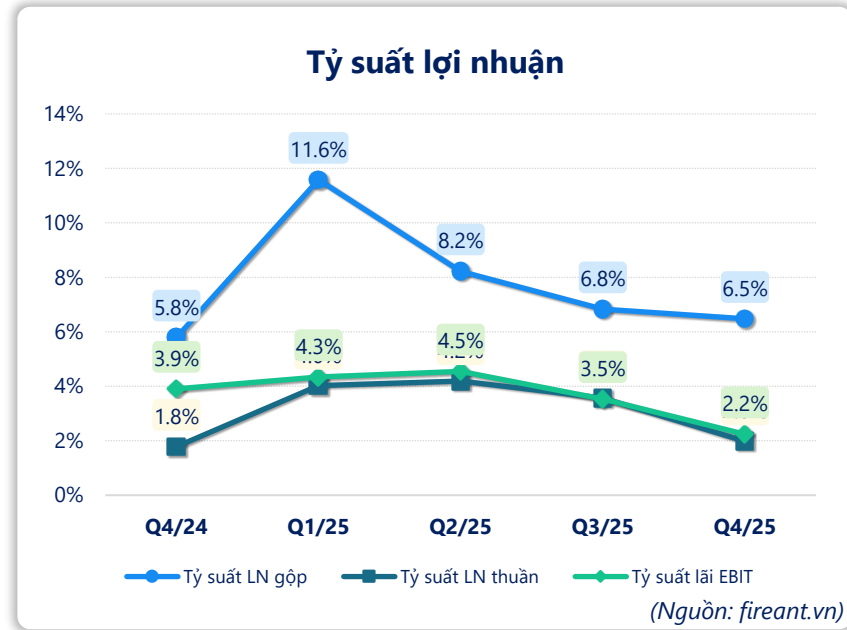
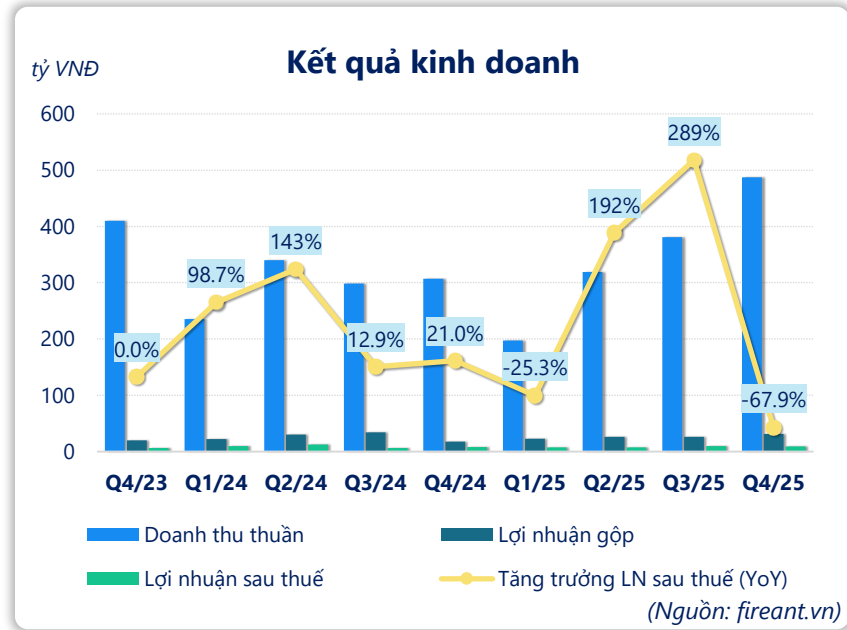


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		12,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,000
SL cổ phiếu LH		40,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		20
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		344
P/E		10.2
EPS		846

	YTD	1T	3T	6T
PSN	-10.4%	-8.5%	-15.7%	-12.2%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,526	968	57.6%
Tài sản ngắn hạn	1,043	503	107%
Tiền và tương đương tiền	48.4	30.9	56.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	73.8	34.9	111%
Phải thu ngắn hạn	814	409	99.2%
Hàng tồn kho	104	27.7	276%
Tài sản ngắn hạn khác	2.00	0.59	238%
Tài sản dài hạn	483	465	3.9%
Phải thu dài hạn	3.37	3.37	0.0%
Tài sản cố định	435	410	6.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.97	4.94	20.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	38.5	46.3	-17.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	976	430	127%
Nợ ngắn hạn	914	388	135%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.6	12.0	46.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	375	212	77.1%
Nợ dài hạn	61.2	41.8	46.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	46.8	37.1	26.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	550	538	2.3%
Vốn chủ sở hữu	550	538	2.3%
Vốn điều lệ	400	400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	307	197	319	381	487
Giá vốn hàng bán	289	174	293	355	456
Lợi nhuận gộp	17.8	22.8	26.2	26.0	31.5
Doanh thu HĐTC	1.04	0.06	3.00	0.81	3.00
Chi phí TC	0.81	2.13	1.17	0.79	3.73
Chi phí lãi vay	0.76	1.25	1.17	0.76	1.02
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	12.5	12.8	14.7	12.5	21.2
LN thuần từ HĐKD	5.47	7.93	13.4	13.6	9.63
Lợi nhuận khác	5.77	-0.62	0.56	-0.89	0.25
LN trước thuế	11.2	7.30	13.3	12.7	9.88
Lợi nhuận sau thuế	7.92	7.28	7.73	9.75	9.07
LNST của CĐ cty mẹ	7.92	7.28	7.73	9.75	9.07

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-2.28	40.1	44.6	167	-137
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	29.8	-86.4	-5.02	-65.5	60.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-23.5	49.2	-23.1	-30.1	3.32
Tiền đầu kỳ	26.7	30.9	33.7	50.7	122
Lưu chuyển tiền thuần	3.98	2.85	16.5	71.2	-73.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0.21	-0.04	0.52	0.14	0.00
Tiền cuối kỳ	30.9	33.7	50.7	122	48.4

(Nguồn: fireant.vn)